

→ Truy cập website thak.jp để biết: Chương trình **SALE** - Sản phẩm mới - Lịch về hàng
→ **Đặt hàng** tại website thak.jp hoặc inbox fanpage CHỢ SỸ THAK <https://www.facebook.com/thaksy>

>>> MỤC LỤC:

*Ớt tươi đông lạnh	Trang 1	*Thịt heo	Trang 6-8
*Sản phẩm Sale	Trang 2-3	*Gà - Vịt - Thủy sản	Trang 9
*Thịt bò	Trang 4-5	*Rau củ - TP chế biến sẵn	Trang 10

ỚT TƯƠI ĐÔNG LẠNH



ỚT TƯƠI ĐÔNG LẠNH

Cay nồng - Thơm giòn - Bùng nổ!

Ớt Chi Thiên Việt Nam loại 1 tuyển chọn từng trái, sản phẩm organic đạt chuẩn chất lượng, dùng ăn trực tiếp hoặc chế biến nhiều món ăn, giúp tăng sự ngon miệng cho bữa ăn của bạn.



Ớt tươi đông lạnh 250g/túi
730y/kg



Ớt tươi đông lạnh 500g/túi
730y/kg



Ớt tươi đông lạnh-ớt xanh 500g/túi
730y/kg

SẢN PHẨM SALE



GIÁ TỐT!

Ngó sen ngâm chua ngọt hũ 1kg
ハスの茎 (甘酢漬け)
2,000y/kg



GIÁ TỐT!

Khoai mì xay sẵn túi 1kg
冷凍挽き キャッサバ
800y/kg



SALE

Bắp ngọt bào sẵn túi 500g
Phù hợp nấu súp, chè...
~~500~~ **470y/túi**



SALE

Tổ ong/ Sách dê
ヤギの胃腸
~~800~~ **660y/kg**



GIÁ TỐT!

Cá cam 1 nắng ướp muối ớt
1,009y/kg



SALE

Chân gà dài túi thường ~1kg
鶏モミジ
~~435~~ **395y/kg**



SALE

Bắp bò Úc loại 1 nguyên thùng 27.2kg
【オーストラリア産】牛スネ
~~1,450~~ **1,390y/kg**



SALE

Bắp bò - Túi CK ~1kg
牛スネ
~~1,490~~ **1,460y/kg**



SALE

Chân gà dài nguyên thùng
鶏モミジ
~~410~~ **340y/kg**



SALE

Dồi trường túi ~5kg
豚コブクロ
~~830~~ **650y/kg**



SALE

Dồi trường túi CK ~1kg
豚コブクロ
~~900~~ **778y/kg**



SALE

Bao tử nguyên thùng
豚ガツ

530 **410y/kg**



SALE

Bao tử túi CK 1~1,5kg
豚ガツ

600 **480y/kg**



GIÁ TỐT !

Vịt CP 1,6~1,7kg
アヒル (ダック)

1,205- **1,190y/con**



Lưỡi heo nguyên thùng
豚タン

808y/kg



Lưỡi heo túi CK ~1kg
豚タン

878y/kg



GIÁ TỐT !

Vịt CP nửa con
アヒル (ダック)

660 **635y/túi**



SALE

Mỡ heo nguyên thùng
豚脂肪

400 **340y/kg**



SALE

Mỡ heo túi thường ~1kg
豚脂肪

450 **390y/kg**



SALE

Đùi vịt (túi ~2kg)
骨付きアヒルモモ

1,310 **1,110y/kg**

THỊT BÒ

売り切れ



Bắp bò Hà Lan - Nguyên bắp
【ポーランド産】牛スネ
1,370y/kg

売り切れ



Bắp bò Hà Lan - Cắt, túi thường
【ポーランド産】牛スネ
1,390y/kg



Bắp bò XANH (Úc) - Nguyên bắp
【オーストラリア産】牛スネ
1,620y/kg



Bắp bò - LÔI HOA
牛スネ (選択品)
1,750y/kg



Ba chỉ bò - Túi CK
牛バラ
~~1,060~~ **960y/kg**

SALE



Sườn bò - Nguyên tảng
牛リブ
1,660y/kg



Sườn bò cắt dọc - Túi CK
牛リブ (カット)
1,740y/kg



Sườn bò cắt ngang 2cm - Túi CK
牛リブ (カット)
1,800y/kg

売り切れ



Gân bò trắng nguyên thùng
牛アキレス
930y/kg

売り切れ



Gân bò trắng - Túi CK ~1kg
牛アキレス
980y/kg



Gân bò có thịt túi 500g
肉付き牛すじ
990y/kg

売り切れ



Gân bắp bò nguyên thùng
牛アキレス腱

760y/kg

売り切れ



Gân bắp bò - Túi CK ~1kg
牛アキレス腱

780y/kg

売り切れ



Diềm bò (harami/sagari)
牛ハラミ

1,600y/kg



Xương ống bò chưa cắt
牛骨

350y/kg



Xương ống bò cắt sẵn
牛骨 (カット)

390 340y/kg

SALE



Xương ống bò cắt sẵn túi thường ~1kg
牛骨 (カット)

440y/kg



Tổ ong bò đen
牛ハチノス (黒)

790y/kg

売り切れ



Tổ ong bò làm sạch - Nguyên thùng
牛ハチノス

960y/kg

売り切れ



Tổ ong bò làm sạch - Túi CK ~1kg
牛ハチノス

1,030y/kg

売り切れ



Nạc mỡ bò Úc
【オーストラリア産】牛ウチモモ

1,790y/kg

売り切れ

(Hình ảnh đang cập nhật)

Nạc mỡ bò Úc - Cắt, đóng túi CK ~1kg
【オーストラリア産】牛ウチモモ

1,840y/kg

THỊT HEO



Ba chỉ da nguyên tảng
皮付き豚バラ (骨なし)

1,020y/kg

Ba chỉ da gia công:

- Cắt sẵn, chưa đóng túi: 1,035y/kg
- Túi thường ~1kg: 1,040y/kg
- Túi chân không ~1kg: 1,058y/kg
- Chọn nạc túi thường: 1,105y/kg
- Chọn nạc chân không: 1,120y/kg

売り切れ



Ba chỉ không da nguyên tảng
豚バラ (皮・骨抜き)

1,040y/kg

Ba chỉ không da gia công:

- Cắt sẵn, chưa đóng túi: 1,080y/kg
- Túi thường ~1kg: 1,090y/kg
- Túi chân không ~1kg: 1,108y/kg



Bắp heo RÚT XƯƠNG túi CK
皮付き豚スネ (骨なし)

900y/kg



Bắp heo có da xương - Nguyên thùng
皮・骨付き豚スネ

710 650y/kg



Bắp heo có da xương cắt khoanh
皮・骨付き豚スネ (スライス)

800 700y/kg



Bắp heo có da xương cắt khoanh - Túi CK
皮・骨付き豚スネ (スライス)

830 730y/kg



Xương ống heo nguyên thùng
豚骨 (カット)

345y/kg



Sườn già nguyên miếng
豚スペアリブ

920y/kg

Sườn già gia công:

- Cắt ngang, không túi: 960y/kg
- Cắt ngang, túi thường: 980y/kg
- Cắt ngang, túi CK: 990y/kg
- Cắt nhỏ, không túi: 1,020y/kg
- Cắt nhỏ, túi thường: 1,040y/kg
- Cắt nhỏ, túi CK: 1,050y/kg



Xương ống heo túi thường ~1kg
豚骨 (カット)

375y/kg



Sườn non nguyên thùng
豚軟骨

708y/kg

Sườn non gia công:

- Cắt ngang không túi: 768y/kg
- Cắt ngang túi thường: 798y/kg
- Cắt ngang túi CK: 818y/kg

売り切れ



Móng heo nguyên cái nguyên thùng
豚足

280y/kg

Móng heo nguyên cái gia công:

- Túi thường ~1kg: 290y/kg
- Túi chân không ~1kg: 310y/kg
- Bỏ đục: 320y/kg



Da heo loại A nguyên thùng
豚皮

500y/kg

売り切れ



Móng heo cắt khoanh chưa đóng túi
豚足 (輪切)

370y/kg

Móng heo cắt khoanh gia công:

- Túi thường ~1kg: 380y/kg
- Túi chân không ~1kg: 390y/kg
- Móng cắt khoanh, bỏ cùi, túi chân không ~1kg: 405y/kg



Da heo loại A túi CK ~1kg
豚皮

570y/kg

売り切れ



Móng heo cắt nhỏ chưa đóng túi
豚足 (六分カット)

390y/kg

Móng heo cắt nhỏ gia công:

- Túi thường ~1kg: 420y/kg
- Túi chân không ~1kg: 440y/kg



Lòng non sạch cuống túi thường
脂肪抜き 豚小腸

660y/kg

売り切れ



Gan heo nguyên thùng
豚レバー

320y/kg



Tai heo nguyên thùng
豚ミミ

430y/kg



Tai heo túi CK ~1kg
豚ミミ

490y/kg

売り切れ



Gan heo túi CK ~1kg
豚レバー

390y/kg



Diềm heo nguyên thùng
豚ハラミ

640y/kg



Diềm heo túi CK ~1kg
豚ハラミ

710y/kg



Tim heo nguyên thùng
豚ハツ

409y/kg



Cuồng hộng nguyên thùng
豚ノド

389y/kg



Cuồng hộng túi CK ~1kg
豚ノド

459y/kg



Tim heo túi CK ~1kg
豚ハツ

479y/kg



Đuôi heo nguyên thùng
豚テール

590 470y/kg

SALE

Đuôi heo gia công:

- Cắt chưa đóng túi: 490y/kg
- Cắt đóng túi thường: 500y/kg
- Cắt đóng túi CK: 540y/kg



Cốt lết không xương nguyên tảng
豚ロース (骨なし)

870- 840y/kg

SALE



Cốt lết không xương cắt lát túi CK
豚ロース (骨なし) スライス

1,010y/kg



Mông heo có da nguyên tảng
豚モモ 皮付き

905y/kg



Thịt heo xay
豚ミンチ

920y/kg

GÀ - VỊT - THỦY SẢN

売り切れ



Gà dai loại ngon ~1kg
Kiện 26 con
440y/con

売り切れ



Gà dai loại ngon ~1,2kg
Kiện 20 con
528y/con



Gà dai loại ngon ~1,4kg
Kiện 16 con
609y/con

売り切れ



Gà chân đen Nagoya Cochon
Kiện 18 con
1,235y/con



Chân gà ngắn nguyên thùng
鶏ショートモミジ
250y/kg



Chân gà ngắn túi thường ~1kg
鶏ショートモミジ
300y/kg

SALE



Cá lóc làm sạch nguyên con (có đầu)
ライギョ 魚
~~860~~ **812y/kg**

SALE



Cá rô phi nguyên con
ティラピア 魚
~~680~~ **630y/kg**

SALE



Cò ọc bươu 450g/khay
カタツムリ
~~405~~ **283y/khay**

SALE



Cá lóc cắt khúc 450g/khay
ライギョ 魚 カット
~~435~~ **370y/khay**

売り切れ



Tép đồng 450g/khay
小エビ
~~455~~ **293y/khay**

SALE



Cá giò biển ướp muối ớt túi ~500g
~~1,260~~ **808y/kg**

SALE

SALE



Cua đồng xay 200g/túi
カニのピューレ
~~202~~ **137y/túi**

SALE



Chả cá thái lát 200g/túi
ナイフフィッシュのすり身
~~322~~ **247y/túi**

SALE



Cá thu phi lê đông khay
さわら フィレー
~~2,510~~ **2,008y/kg**



Cá ba sa cắt khúc 500g/khay
バスア 魚 カット
325y/khay

RAU CỦ QUẢ - THỰC PHẨM CHẾ BIẾN SẴN

売り切れ



Set lòng dồi sống (~500g/khay)
604y/khay



Set lòng dồi sống (~1kg/khay)
1,110y/kg

売り切れ



Lòng tiết (400~500g/khay)
1,509y/kg

売り切れ



Dồi sụn sống (~400g/khay)
1,610y/kg



Dồi sụn chiên sẵn (~500g/khay)
1,710y/kg

(Hình ảnh đang cập nhật)

Bánh khoai mì nướng (túi 1kg)
1,300y/kg

(Hình ảnh đang cập nhật)

Bánh khoai mì nướng (túi 500g)
700y/kg

SHIP KHI MUA HÀNG SẪU ĐỦ KIỆN

Quý khách mua hàng đủ kiện hoặc ghép đủ kiện sẽ được áp dụng bao ship/ miễn ship theo quy định sau:

Tỉnh	Phí ship/ kiện	
	Đồng/ Mát	Thường
Vùng Chuubu: Niigata - Toyama - Ishikawa - Fukui - Yamanashi - Nagano - Gifu - Shizuoka - Aichi	Miễn ship	Miễn ship
Vùng Kansai: Mie - Shiga - Kyoto - Osaka - Hyogo - Nara - Wakayama		
Vùng Kanto: Ibaraki - Tochigi - Gunma - Saitama - Chiba - Tokyo - Kanagawa		
Vùng Chugoku: Tottori - Shimane - Okayama - Hiroshima - Yamaguchi	Phụ ship: 230	Miễn ship
Vùng Shikoku: Tokushima - Kagawa - Ehime - Kochi		
Vùng Tohoku (1): Miyagi - Yamagata - Fukushima		
Vùng Tohoku (2): Aomori - Iwate - Akita	Phụ ship: 380	Miễn ship
Vùng Kyushu (1): Kumamoto - Miyazaki - Kagoshima		
Vùng Kyushu (2): Fukuoka - Saga - Nagasaki - Oita	Phụ ship: 345	Miễn ship
Hokkaido	1,490	500

*Khách Hokkaido là Pháp nhân: Miễn phụ ship thường

PHÍ SHIP KHI MUA HÀNG KHÔNG ĐỦ KIỆN

Tỉnh	Phí ship/ kiện	
	Đồng/ Mát	Thường
Hokkaido	3,200	1,900
Các tỉnh còn lại	2,050	1,370

HÌNH THỨC THANH TOÁN: Thanh toán 1 trong 2 hình thức sau:

*Nhận hàng trả tiền (daibiki), phí thu hộ daibiki như sau:

Tổng tiền thu hộ/ daibiki	Mức phí
< 10,000	330
< 30,000	440
< 100,000	660
< 300,000	1,100
≥ 300,000	Chỉ nhận chuyển khoản trước tiền hàng

*Chuyển khoản trước vào tài khoản sau:

静岡銀行 (shizuoka)
浜松営業支店 (Hamamatsu)
普通：1678352 ティーエイチエーケー(カ)